Số: 183/QĐ-HV
Thời gian ký: 2026-05-06T15:57:57+07:00

Biểu số 3

Đơn vị: Trường THPT Hùng Vương
Chương: 074

BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 183/QĐ-HV, ngày 06 / 5 /2026 của Hiệu trưởng trường THPT Hùng Vương)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 3 tháng đầu năm 2026	So sánh (%)	
				Dự toán	Thực hiện
I/	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	**113.635.529**	**103.147.545**	**0**	**0**
	Số năm trước chuyển qua	*113.635.529*			
1/	*Số thu phí, lệ phí (kể cả cấp bù)*				
1,1	Lệ phí				
1,2	Phí (học phí)				
2/	*Chi từ nguồn thu phí được để lại*	*0*	*103.147.545*		
2,1	Chi sự nghiệp: Giáo dục	*0*	*103.147.545*		
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	*0*	*103.147.545*		
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	*0*		
2,2	Chi quản lý hành chính				
3/	*Số phí, lệ phí nộp thuế*				
3,1	Lệ phí				
3,2	Phí (học phí)				
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.923.000.000**	**3.239.480.742**		
3	*Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề*	*16.923.000.000*	*3.239.480.742*		
3,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	16.923.000.000	3.239.480.742		
	- Nguồn 12	16.246.000.000	3.239.480.742		
	- Nguồn 18	677.000.000	0		

Người lập

Văn Đức Hải

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

Vương Xuân Hồng

Biểu số 2

Đơn vị: Trường THPT Hùng Vương
Chương: 074

THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2026

(Kèm theo đối chiếu dự toán NSNN quý I năm 2026)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao	Thực hiện 03 tháng năm 2026
I/	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**		**103.147.545**
1/	*Số thu phí, lệ phí*		
1.1	Lệ phí		
1.2	Phí (học phí)		
2/	*Chi từ nguồn thu phí được để lại*		*103.147.545*
2.1	Chi sự nghiệp: Giáo dục		103.147.545
a/	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		*103.147.545*
b/	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
2.2	Chi quản lý hành chính		
3/	*Số phí, lệ phí nộp thuế*		
3.1	Lệ phí		
3.2	Phí (học phí)		
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**16.923.000.000**	**3.239.480.742**
3	*Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề*	*16.923.000.000*	*3.239.480.742*
3.1	**Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên**	**0**	**0**
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**16.923.000.000**	**3.239.480.742**
3.2.1	**Nguồn 12**	**16.246.000.000**	**3.239.480.742**
a	***Chi lương, chi thường xuyên***	***13.414.000.000***	***3.239.480.742***
-	Chi lương	13.376.000.000	3.199.110.822
-	Chi thường xuyên (Bao gồm chi lương 02 HĐLĐ theo NĐ 111/2021/NĐ-CP: 240trđ)	38.000.000	40.369.920
d	***Chi mục tiêu, nhiệm vụ***	***2.832.000.000***	***0***
-	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập và miễn giảm học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	2.108.000.000	0
-	Kinh phí thực hiện chính sách học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật theo TTLT 42/2013	36.000.000	0
-	Kinh phí thực hiện chính sách đối với học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP	688.000.000	0
3.3	**Quỹ tiền thưởng (Mã nguồn 18)**	**677.000.000**	**0**

Người lập

Văn Đức Hải

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG HÙNG VƯƠNG

Vương Xuân Hồng

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Mã ĐVQHNS: 1008431

Mã cấp NS: 2

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XIV-PGD số 13
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	074	00000	21.232.000	16.246.000.000	16.246.000.000	16.246.000.000	16.267.232.000	3.239.480.742	3.239.480.742	0	0	0	13.027.751.258
18	074	00000	0	677.000.000	677.000.000	677.000.000	677.000.000	0	0	0	0	0	677.000.000
Cộng:			21.232.000	16.923.000.000	16.923.000.000	16.923.000.000	16.944.232.000	3.239.480.742	3.239.480.742	0	0	0	13.704.751.258
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2026

Kế toán | **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Ngọc Ánh

Người ký: Vũ Đức Hưng
Ngày ký: 02/04/2026 08:11:26
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XIV-PGD số 13

Vũ Đức Hưng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Văn Đức Hải
Ngày ký: 01/04/2026 14:50:49
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Văn Đức Hải

Người ký: Vương Xuân Hồng
Ngày ký: 01/04/2026 15:12:56
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Vương Xuân Hồng

Mã chương: 422

Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Mã ĐVQHNS: 1008431

Mã cấp NS: 2

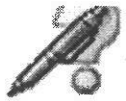

Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XIV-PGD số 13
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2026

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	074	6001	00000	0	0	1.664.722.799	1.664.722.799	1.664.722.799	1.664.722.799
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	074	6051	00000	0	0	86.205.600	86.205.600	86.205.600	86.205.600
Phụ cấp chức vụ	12	074	6101	00000	0	0	37.206.000	37.206.000	37.206.000	37.206.000
Phụ cấp khu vực	12	074	6102	00000	0	0	126.360.000	126.360.000	126.360.000	126.360.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	074	6112	00000	0	0	572.841.618	572.841.618	572.841.618	572.841.618
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	074	6113	00000	0	0	7.722.000	7.722.000	7.722.000	7.722.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	12	074	6115	00000	0	0	267.613.674	267.613.674	267.613.674	267.613.674
Bảo hiểm xã hội	12	074	6301	00000	0	0	358.640.190	358.640.190	358.640.190	358.640.190
Bảo hiểm y tế	12	074	6302	00000	0	0	61.481.175	61.481.175	61.481.175	61.481.175
Bảo hiểm thất nghiệp	12	074	6304	00000	0	0	40.157.686	40.157.686	40.157.686	40.157.686
Thuê lao động trong nước	12	074	6757	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Chi thanh toán các dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, công tác Đảng, các chi phí Đảng vụ khác và phụ cấp cấp ủy	12	074	7854	00000	0	0	10.530.000	10.530.000	10.530.000	10.530.000
				Cộng:	0	0	3.239.480.742	3.239.480.742	3.239.480.742	3.239.480.742
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2026

Kế toán **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

Hà Thị Ngọc Ánh

Người ký: Vũ Đức Hưng
Ngày ký: 02/04/2026 08:11:26
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Khu vực XIV-PGD số 13

Vũ Đức Hưng

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Văn Đức Hải
Ngày ký: 01/04/2026 14:50:49
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Văn Đức Hải

Người ký: Vương Xuân Hồng
Ngày ký: 01/04/2026 15:17:56
Đơn vị: Trường Trung học phổ thông Hùng Vương

Vương Xuân Hồng